

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH CĂN CỨ XÂY DỰNG, ĐỀ XUẤT CÁC CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU TRONG QUYẾT ĐỊNH
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN
CÁC DỊCH VỤ BẢO VỆ, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

TT	Chỉ tiêu phân đầu đến năm 2030	Thuyết minh căn cứ xây dựng chỉ tiêu
I	<i>Mục tiêu 1: Bảo đảm trẻ em khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, phúc lợi xã hội</i>	
1	95% trẻ em khuyết tật được đánh giá, lập kế hoạch hỗ trợ can thiệp khi có nhu cầu và kết nối các dịch vụ hỗ trợ can thiệp phù hợp	- Chỉ tiêu này hiện chưa được thống kê tổng hợp - Tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định nội dung trẻ em khuyết tật được đánh giá, lập kế hoạch hỗ trợ can thiệp khi có nhu cầu và kết nối các dịch vụ hỗ trợ can thiệp phù hợp - Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 6/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc miễn phí trên toàn quốc. Bộ Y tế công bố chi tiết danh mục khám sức khỏe miễn phí dành cho người dân, trong đó có quy định cho trẻ em dưới 6 tuổi và 6-18 tuổi. Do đó thuận lợi cho việc theo dõi đánh giá nhu cầu và lập KH hỗ trợ can thiệp. - Giai đoạn 2020-2025, đã có 90% - 100% địa phương thiết lập mạng lưới liên kết dịch vụ, đây là điều kiện thuận lợi cho việc triển khai quy trình quản lý ca nhằm đánh giá nhu cầu và lập kế hoạch hỗ trợ can thiệp cho trẻ em khuyết tật. - Quyết định số 1190/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021–2030, trong đó đặt ra các mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Hàng năm khoảng 90% người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật, chưa có chỉ tiêu cho trẻ em khuyết tật nói chung. - Việc thiết lập tỷ lệ 95% dựa trên yêu cầu chuẩn hóa quy trình can thiệp sớm và quản lý ca từ cơ sở, giúp tối đa hóa khả năng phục hồi và hòa nhập của trẻ. Biên độ 5% là khoảng dự phòng cho các trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, biến động dân cư

		hoặc có dạng tật phức tạp chưa thể tiếp cận ngay. Đánh giá tính khả thi đến năm 2030: Mục tiêu hoàn toàn khả thi nhờ nền tảng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Đề án 06), hệ thống dữ liệu điện tử về trẻ em và mạng lưới nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội được kiện toàn đồng bộ tại 100% các địa phương.
2	95% trẻ em khuyết tật được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần;	Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhấn mạnh việc chuyển trọng tâm sang phòng bệnh, ưu tiên khám sức khỏe định kỳ và quản lý sức khỏe toàn dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, bảo trợ xã hội và người khuyết tật. Chỉ tiêu này được triển khai qua Kế hoạch số 1272/QĐ-BYT ngày 06/5/2026 của Bộ Y tế. Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 6/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc miễn phí trên toàn quốc. Bộ Y tế công bố chi tiết danh mục khám sức khỏe miễn phí dành cho người dân, trong đó có quy định cho trẻ em dưới 6 tuổi và 6-18 tuổi. Quyết định số 1190/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021–2030, trong đó chỉ tiêu đến năm 2030: “80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật”, chỉ tiêu này không còn tính cập nhật so với NQ 72-NQ/TW Mức 95% thể hiện độ bao phủ chiến lược cao đối với trẻ em khuyết tật tại cộng đồng, đảm bảo tính khoa học và thực tế khi loại trừ 5% biên độ dự phòng. Khoảng 5% này dành cho các trường hợp biến động nhân khẩu học, di cư, hoặc ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn mà việc di chuyển, tiếp cận các đoàn khám lưu động gặp rào cản lớn trong năm. Đánh giá tính khả thi đến năm 2030: Mục tiêu hoàn toàn khả thi nhờ hệ thống y tế cơ sở (Trạm y tế, Trung tâm y tế) được phủ kín và năng lực tổ chức khám lưu động ngày càng nâng cao. Việc ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Đề án 06) cùng hệ thống sổ sức khỏe điện tử quản lý theo vòng đời giúp ngành Y tế theo dõi sát sao, lập kế hoạch chi tiết để tiếp cận nhóm đối tượng chưa tự đến cơ sở y tế được.
3	70% trẻ em khuyết tật có nhu cầu phục hồi chức năng được tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp.	Quyết định số 1190/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021–2030, trong đó đặt ra các mục tiêu cụ thể về việc trợ giúp phục hồi chức năng cho người khuyết tật đến năm 2030: khoảng 70.000 trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

		- Theo dữ liệu từ Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê (GSO) và Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội: Tỷ lệ Người khuyết tật được tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng PHCN) chung đạt khoảng 40% – 50% (2023) - Tại các quốc gia thu nhập trung bình (LMICs/UMICs), tốc độ tăng tỷ lệ người/trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ PHCN thường dao động trong khoảng 3% – 5% mỗi năm (tương đương tăng khoảng 15% – 25% cho cả giai đoạn 5 năm). - Khi Đề án được triển khai đồng bộ với các giải pháp: Phát triển PHCN dựa vào cộng đồng gắn với Trạm Y tế xã, áp dụng mã định danh cá nhân và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, mở rộng phạm vi chi trả của Bảo hiểm y tế cho các dịch vụ PHCN và dụng cụ trợ giúp. Thì trong giai đoạn 5 năm (2026–2030) tương ứng với mức tăng bình thường khoảng 4%–5%/năm. Đây là tốc độ tăng trưởng thực tế, phù hợp với năng lực cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở. Mức 70% là chỉ tiêu phấn đấu có trọng tâm, phản ánh đúng đặc thù của dịch vụ phục hồi chức năng (đòi hỏi kỹ thuật chuyên sâu, trang thiết bị chuyên dụng, thời gian trị liệu dài hạn và sự tham gia phối hợp chặt chẽ từ gia đình). Khoảng dung lượng còn lại tính đến các trường hợp khuyết tật nhẹ chưa có nhu cầu can thiệp sâu hoặc các nhóm đối tượng đang trong giai đoạn sàng lọc, đánh giá ban đầu. Đánh giá tính khả thi đến năm 2030: Mục tiêu hoàn toàn khả thi nhờ hệ thống mạng lưới cơ sở phục hồi chức năng từ Trung ương đến địa phương (các bệnh viện chuyên khoa, khoa phục hồi chức năng tại bệnh viện đa khoa, tuyến huyện) ngày càng được củng cố và phát triển mô hình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (CBMR). Sự phối hợp liên ngành giữa Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội cùng Giáo dục trong việc phát hiện sớm và chuyển tuyến điều trị giúp mở rộng dần khả năng tiếp cận thực tế cho trẻ em khuyết tật.
4	85% trẻ em khuyết tật ở độ tuổi mầm non và giáo dục phổ thông được tiếp cận giáo dục phù hợp .	Quyết định số 1190/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021–2030, đề ra các mục tiêu rõ ràng về giáo dục hòa nhập và giáo dục chuyên biệt cho trẻ em khuyết tật. - Theo báo cáo của Tổng cục thống kê (TCTK) (2023): tỷ lệ trẻ em khuyết tật đi học TH: 68,1%, THCS: 53%. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp: Đạt 99,6% – 99,96% trên quy mô toàn quốc. 79,6% trường học có học sinh khuyết tật, Do đó Tỷ lệ trung bình toàn khối giáo dục hiện tại: Ước tính trung bình gia quyền trên toàn độ tuổi (mầm non + phổ thông) đang nằm ở mức 65% – 70%. - Theo các nghiên cứu và báo cáo tổng hợp từ UNESCO, Ngân hàng Thế giới (World Bank) và

		Tổ chức Đối tác Toàn cầu về Giáo dục (GPE), tỷ lệ tăng tiếp cận giáo dục hàng năm của trẻ em khuyết tật tại các quốc gia thu nhập trung bình (LMICs/UMICs) phụ thuộc vào cách thức triển khai chính sách và mức độ đầu tư ngân sách. - Tăng trưởng tự nhiên/Trung bình chung (1,5% – 2,5% / năm) của các nước thu nhập trung bình (Đây là tốc độ tăng phổ biến ở đa số các nước thu nhập trung bình khi chưa có chương trình mục tiêu hay đột phá lớn về hạ tầng/nhân lực). - Tăng trưởng khi có Chương trình/Đề án Chiến lược Quốc gia (3,0% – 4,5%/năm): Tại các quốc gia áp dụng mạnh mẽ mô hình giáo dục hòa nhập, ban hành quy chuẩn tiếp cận công trình school-level, và đầu tư Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập cấp tỉnh/huyện, tốc độ tăng tỷ lệ trẻ khuyết tật ra lớp có thể đạt 3,5% – 4% mỗi năm (tương đương tăng khoảng 15% – 20% cho cả giai đoạn 5 năm). Khuyến nghị chỉ tiêu: với tốc độ tăng trên khuyến nghị năm 2030: 85% (tăng 15%), đây là chỉ tiêu phấn đấu có tính chiến lược cao, phản ánh quyết tâm lớn của ngành Giáo dục trong việc phổ cập cơ hội tiếp cận học tập cho trẻ khuyết tật trong độ tuổi đi học (từ mầm non đến phổ thông). Biên độ còn lại (15%) tính đến các trường hợp trẻ khuyết tật đặc biệt nặng, khuyết tật tổng hợp, hoặc có bệnh lý bẩm sinh nặng đòi hỏi chăm sóc y tế toàn thời gian tại gia đình hoặc cơ sở bảo trợ xã hội mà chưa thể tham gia các lớp học giáo dục thông thường hoặc chuyên biệt. Đánh giá tính khả thi đến năm 2030: Hệ thống giáo dục cho trẻ em khuyết tật tại Việt Nam được quy định theo Luật Người khuyết tật, Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn như Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT và Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Mục tiêu có tính khả thi nhờ hệ thống trường lớp mầm non, phổ thông trên toàn quốc không ngừng được mở rộng và nâng cấp cơ sở vật chất thân thiện với người khuyết tật. Năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên về phương pháp giáo dục hòa nhập, kỹ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật ngày càng được nâng cao qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng định kỳ. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giúp duy trì tỷ lệ trẻ khuyết tật đến trường ngày càng ổn định và bền vững.
5	95% trẻ em khuyết tật học hòa nhập được xây dựng và phê duyệt kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) theo quy định.	Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. Điều 7 quy định rõ Kế hoạch giáo dục cá nhân là hồ sơ bắt buộc đối với mỗi học sinh khuyết tật học hòa nhập. Việc lập, thực hiện và đánh giá IEP là trách nhiệm pháp lý của nhà trường và giáo viên. IEP là công cụ duy nhất giúp giáo viên điều chỉnh mục tiêu bài học, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra - đánh giá và huy động các dịch vụ hỗ trợ (phục hồi chức năng, tư vấn tâm

		lý) phù hợp riêng cho từng trẻ. IEP là quy định thủ tục hành chính - chuyên môn mang tính tối thiểu. Đã là học sinh khuyết tật có hồ sơ quản lý học hòa nhập tại trường thì bắt buộc phải có IEP Kế hoạch giáo dục cá nhân (Individualized Education Program - IEP) là công cụ chuyên môn bắt buộc để bảo đảm chất lượng giáo dục hòa nhập, phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật của từng học sinh. Tỷ lệ 95% là yêu cầu chuẩn hóa chất lượng đối với các cơ sở giáo dục có trẻ em khuyết tật theo học, nâng cao trách nhiệm của nhà trường, gia đình và giáo viên chủ nhiệm trong việc theo dõi tiến bộ của trẻ.
6	95% trẻ em khuyết tật bị xâm hại, bạo lực, bóc lột, bỏ rơi khi được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời, phù hợp.	Luật Trẻ em năm 2016 (Chương V về Bảo vệ trẻ em: phòng ngừa và hỗ trợ, can thiệp) và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP Quyết định số 23/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021–2030. Phù hợp với chỉ tiêu e của QĐ 1415/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em và phòng ngừa Lao động trái quy định pháp luật: “ 100% trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi khi được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời, phù hợp; 100% yêu cầu trợ giúp pháp lý cho trẻ em được đáp ứng theo quy định của pháp luật”. Trẻ em khuyết tật có nguy cơ cao bị xâm hại và bạo lực do rào cản về giao tiếp và nhận thức. Con số 95% thể hiện cam kết mạnh mẽ của hệ thống bảo vệ trẻ em các cấp (đặc biệt là Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em 111 và mạng lưới công tác xã hội cấp xã) trong việc tiếp nhận, xử lý, can thiệp khẩn cấp, bảo vệ tuyệt đối an toàn và phục hồi tâm lý cho trẻ khi có vụ việc xảy ra.
7	100% trẻ em khuyết tật có đủ điều kiện theo quy định pháp luật được hưởng trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế;	Phù hợp với Luật Người khuyết tật năm 2010, Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó quy định rõ chính sách trợ cấp đối với đối tượng trẻ em khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Đây là chính sách an sinh xã hội cơ bản, mang tính bắt buộc pháp lý cao. 100% trẻ em khuyết tật đủ điều kiện phải được lập hồ sơ chi trả trợ cấp hàng tháng và cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí nhằm bảo đảm quyền lợi an sinh tối thiểu và giảm gánh nặng chi phí y tế cho gia đình.

8	60% trẻ em khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận các thiết bị và công nghệ hỗ trợ phù hợp trong học tập, giao tiếp và phát triển kỹ năng.	Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của người khuyết tật (CRPD) mà Việt Nam là thành viên. Quyết định số 1190/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình trợ giúp người khuyết tật. Quyết định số 131/QĐ-TTg (Đề án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục): Nhấn mạnh việc bình đẳng tiếp cận giáo dục số cho các nhóm đối tượng yếu thế, bao gồm học sinh khuyết tật. Luật Người khuyết tật 2010 (Điều 33, 34): Quy định về phương tiện, dụng cụ chỉnh hình, PHCN và quyền tiếp cận CNTT - truyền thông cho người khuyết tật. Khái niệm 'thiết bị và công nghệ hỗ trợ' trong Đề án được tiếp cận theo chuẩn mực của WHO/UNICEF, bao gồm cả thiết bị/dụng cụ trợ giúp thể chất (như máy trợ thính, kính bổ trợ, xe lăn, dụng cụ thích ứng học tập) và các giải pháp công nghệ kỹ thuật số (như phần mềm đọc màn hình, ứng dụng giao tiếp AAC). Hiện nay chưa có số liệu. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2023 (53,7% NKT sở hữu điện thoại di động và 33,6% NKT truy cập Internet), Đề án đánh giá mức độ sẵn sàng về hạ tầng thiết bị cơ bản của gia đình trẻ là rất khả quan. Bằng việc kết hợp các nguồn lực (ngân sách đề án, bảo hiểm y tế, xã hội hóa) để trang bị thêm các thiết bị hỗ trợ thiết yếu và hướng dẫn ứng dụng công nghệ, mục tiêu 60% trẻ em khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận thiết bị và công nghệ là hoàn toàn khả thi và có tính đột phá." Thiết bị và công nghệ hỗ trợ (xe lăn chuyên dụng, máy trợ thính, phần mềm đọc màn hình, công cụ giao tiếp thay thế...) đòi hỏi nguồn kinh phí lớn và kỹ thuật chuyên sâu. Tỷ lệ 60% là mục tiêu phấn đấu mang tính đột phá trong giai đoạn 2026–2030 (tăng đáng kể so với giai đoạn trước), gắn liền với xu hướng chuyển đổi số, phát triển công nghệ hỗ trợ và nguồn lực xã hội hóa, ngân sách nhà nước phân bổ cho lĩnh vực an sinh.
9	50% các công trình công cộng, cơ sở trợ giúp xã hội, trường học và cơ sở y tế hiện hữu được cải tạo, nâng cấp các hạng mục thiết yếu bảo đảm điều kiện tiếp cận cho trẻ em khuyết tật.	Luật Người khuyết tật năm 2010 (Điều 39 về tiếp cận công trình công cộng), QCVN 10:2014/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng. Phần lớn hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu được xây dựng từ trước khi có các quy chuẩn khắt khe về tiếp cận. Việc đặt chỉ tiêu 50% cải tạo, nâng cấp các hạng mục thiết yếu (như đường dốc, nhà vệ sinh tiếp cận, tay vịn) đối với các cơ sở y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội hiện hữu là

		bước đi thực tế, khả thi, giải quyết dần các rào cản vật lý cản trở trẻ em khuyết tật hòa nhập. Nhờ chỉ tập trung vào các hạng mục thiết yếu, chi phí cải tạo mỗi công trình tương đối thấp (thường chỉ từ vài chục triệu đồng/công trình), không làm ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực của toàn bộ nhà Tỷ lệ 50% phù hợp với khả năng cân đối ngân sách sửa chữa tài sản công của các địa phương trong giai đoạn 5–10 năm. Giải pháp kỹ thuật linh hoạt ("hạng mục thiết yếu"), không đòi hỏi can thiệp sâu vào cấu trúc chịu lực của công trình cũ. Theo điều tra của TCTK năm 2023, việc tạo điều kiện về hạ tầng phục vụ chăm sóc người khuyết tật cũng đã được chính quyền cấp xã quan tâm hơn, thể hiện qua tỷ lệ TYTX được thiết kế phù hợp với người khuyết tật cao hơn so với kết quả điều tra năm 2016. Trong năm 2023, có 24,8% TYTX được thiết kế phù hợp với người khuyết tật theo cả 2 tiêu chí, gồm: (1) TYTX có lối đi, đường dốc dành cho người khuyết tật và (2) TYTX có công trình vệ sinh thiết kế phù hợp với người khuyết tật.
10	95% các công trình công cộng, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao xây dựng mới được thẩm định quy hoạch, thiết kế và nghiệm thu tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo trẻ em khuyết tật tiếp cận sử dụng.	Luật Người khuyết tật 2010 (Điều 39, 40): Quy định rõ các công trình công cộng, nhà chung cư, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao xây dựng mới bắt buộc phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng để người khuyết tật (bao gồm trẻ em khuyết tật) tiếp cận sử dụng. Luật Xây dựng 2014 (Sửa đổi, bổ sung 2020): Quy định công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình bắt buộc phải kiểm tra việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng cho công trình. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10:2014/BXD: Quy định chi tiết các thông số kỹ thuật bắt buộc (đường dốc, lối vào, cửa, thang máy, khu vệ sinh, biển báo, lối thoát hiểm...) đảm bảo khả năng tiếp cận an toàn cho người khuyết tật và trẻ em khuyết tật trong các công trình công cộng. Đây không phải là một nhiệm vụ mới phát sinh hay mang tính khuyến khích, mà là trách nhiệm pháp lý hành chính bắt buộc xuyên suốt quy trình đầu tư xây dựng. Cụ thể, nhiệm vụ của từng nhóm đơn vị đã được phân công rõ ràng như sau: * Phân công trách nhiệm theo Luật Xây dựng và Luật Người khuyết tật - Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị/Hạ tầng cấp huyện):

		+ Nhiệm vụ quy định: Đã được giao thẩm quyền và trách nhiệm bắt buộc tại Điều 40 Luật Người khuyết tật 2010 và Nghị định 15/2021/NĐ-CP (về quản lý dự án đầu tư xây dựng) + Cụ thể: Khi thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình công cộng xây dựng mới, cơ quan chuyên môn phải kiểm tra việc tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10:2014/BXD. Nếu không tuân thủ, cơ quan quản lý không được phép phê duyệt thiết kế hoặc không cấp văn bản chấp thuận nghiệm thu. - Các Bộ quản lý ngành chuyên môn (Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế, Bộ VHTTDL): + Nhiệm vụ quy định: Đã được quy định trong các văn bản hướng dẫn ngành về tiêu chuẩn thiết kế trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa - thể thao. + Cụ thể: Đưa tiêu chuẩn tiếp cận đối với trẻ em khuyết tật vào làm tiêu chí bắt buộc để công nhận Trường học đạt chuẩn quốc gia, Bệnh viện đạt chuẩn chất lượng, hoặc Thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn. - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: + Nhiệm vụ quy định: Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ về việc quản lý trật tự xây dựng và chất lượng công trình trên địa bàn. + Cụ thể: Chỉ đạo các Sở, ngành địa phương không cấp phép/không nghiệm thu các công trình công cộng xây mới không bảo đảm khả năng tiếp cận cho người/trẻ em khuyết tật. - Các chủ thể tham gia dự án (Chủ đầu tư, Đơn vị tư vấn thiết kế, Đơn vị thẩm tra, Nhà thầu thi công): + Nhiệm vụ quy định: Đã bị ràng buộc trách nhiệm pháp lý theo Luật Xây dựng. Nếu thiết kế hoặc thi công vi phạm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bắt buộc sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng và buộc phải khắc phục hậu quả. Khác với công trình hiện hữu, các công trình xây dựng mới hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước. Tỷ lệ 95% thể hiện sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật quy hoạch và xây dựng, yêu cầu các cơ quan chức năng từ khâu thẩm định thiết kế đến nghiệm thu đưa vào sử dụng phải kiên quyết loại bỏ tình trạng "bỏ quên" thiết kế tiếp cận cho người khuyết tật, đặc biệt là trẻ em.
II	Mục tiêu 2: Truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội, giảm kỳ thị đối với trẻ em khuyết tật và hỗ trợ đảm bảo quyền tham gia, hòa nhập cộng đồng.	
1	80% trẻ em khuyết tật được cung cấp	Luật Trẻ em năm 2016 (Quy định về quyền tham gia của trẻ em và quyền được giáo dục phát

	các kiến thức, kỹ năng phù hợp với độ tuổi, dạng khuyết tật để hòa nhập cộng đồng.	triển toàn diện), Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư. Tỷ lệ trẻ em khuyết tật được cung cấp các kiến thức, kỹ năng phù hợp với độ tuổi, dạng khuyết tật để hòa nhập cộng đồng đạt 60% năm giai đoạn 2018-2020 và 70% 2025. Nhằm trang bị cho chính trẻ em khuyết tật sự tự tin, kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng giao tiếp và thích ứng xã hội. Tỷ lệ 80% là mục tiêu trọng tâm của công tác công tác xã hội tại trường học và cộng đồng, giúp trẻ vượt qua mặc cảm tự ti, chủ động hòa nhập.
2	90% cha mẹ, người chăm sóc trẻ em khuyết tật, người dân tại cộng đồng, cán bộ chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, tổ chức của người khuyết tật được cung cấp các kiến thức, kỹ năng nhằm hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật.	Luật Người khuyết tật năm 2010 (Về phòng ngừa, giảm thiểu kỳ thị, phân biệt đối xử). Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và các chính sách an sinh xã hội liên quan. Tỷ lệ này đạt 70% năm giai đoạn 2018-2020 và 90% 2025. Kỳ thị và định kiến xã hội là rào cản lớn nhất đối với trẻ em khuyết tật. Gia đình và cộng đồng là môi trường sống trực tiếp của trẻ. Tỷ lệ 90% đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ phương thức truyền thông (đa dạng hóa trên nền tảng số, truyền thông trực tiếp tại cơ sở) để nâng cao nhận thức của toàn xã hội, chuyển hóa nhận thức thành hành động hỗ trợ thiết thực cho trẻ em khuyết tật.
3	90% tỉnh, thành phố thực hiện tham vấn ý kiến trẻ em về chính sách, chương trình liên quan đến trẻ em bảo đảm có sự tham gia có ý nghĩa của trẻ em khuyết tật.	- Luật Trẻ em năm 2016 (Điều 74 về Trách nhiệm lấy ý kiến trẻ em; Điều 37 về quyền tham gia của trẻ em), Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia vì trẻ em. - 100% tỉnh/thành phố hiện nay đã có thường xuyên tổ chức Diễn đàn trẻ em, Hội đồng trẻ em hoặc các CLB Quyền trẻ em. Cơ sở để đạt chỉ tiêu này là lồng ghép tiêu chí trẻ em khuyết tật vào quy trình tổ chức hiện hành chứ không cần thành lập bộ máy mới. - Chỉ tiêu tính theo đơn vị hành chính cấp tỉnh (34/34 tỉnh, thành) cho phép dễ dàng giám sát, đưa vào bộ chỉ tiêu đánh giá công tác trẻ em hàng năm của các địa phương. Thể hiện nguyên tắc "Không để ai bị bỏ lại phía sau" và quyền tham gia của trẻ em được pháp luật ghi nhận. Đưa tiếng nói của trẻ em khuyết tật vào quá trình xây dựng chính sách giúp các quyết định quản lý nhà nước sát với nhu cầu thực tiễn của các em, đồng thời nâng cao năng lực tự khẳng định bản thân của trẻ em khuyết tật.

III	Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực cán bộ và hiệu quả quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em khuyết tật.	
1	95% cán bộ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục các tổ chức xã hội cung cấp dịch vụ liên quan đến trẻ em khuyết tật, công tác viên làm công tác trợ giúp trẻ em khuyết tật được tập huấn nâng cao năng lực về hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ toàn diện, hòa nhập cộng đồng và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật.	Luật Người khuyết tật năm 2010 (Quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực làm công tác trợ giúp người khuyết tật). Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ này đạt 70% năm giai đoạn 2018-2020 và 90% 2025. Chất lượng dịch vụ phụ thuộc trực tiếp vào năng lực đội ngũ thực thi. Cán bộ tuyến cơ sở, giáo viên dạy hòa nhập, y bác sĩ và công tác viên xã hội là những người tiếp xúc trực tiếp với trẻ. Tỷ lệ 95% là chuẩn mực cao nhằm bảo đảm 100% lực lượng nòng cốt được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp nhạy cảm giới và không kỳ thị đối với trẻ em khuyết tật.
2	95% các tỉnh, thành phố thiết lập và triển khai quản lý ca, thiết lập mạng lưới dịch vụ và điều phối dịch vụ liên ngành hỗ trợ trẻ em khuyết tật, thí điểm các mô hình dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật;	Nghị định số 110/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về công tác xã hội (hoặc các quy định pháp luật hiện hành về hệ thống dịch vụ công tác xã hội và bảo vệ trẻ em). Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội. Tỷ lệ này 90-100% năm 2025 Quản lý ca (case management) và dịch vụ liên ngành (Y tế - Giáo dục – An sinh xã hội - Công an địa phương) là phương thức hoạt động chuyên nghiệp hiện đại để giải quyết các nhu cầu đa dạng, phức tạp của trẻ em khuyết tật. Việc đặt mục tiêu 95% tỉnh, thành phố triển khai nhằm chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ trên phạm vi toàn quốc, khắc phục tình trạng hoạt động manh mún, rời rạc giữa các ngành.
3	100% các tỉnh, thành phố hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia về trẻ em khuyết tật; triển khai cập nhật, quản lý dữ liệu trẻ em khuyết tật trên địa bàn dựa trên mã định danh cá nhân; bảo đảm kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu với Hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia.	Luật Căn cước năm 2023, Đề án 06 của Chính phủ (Quyết định 06/QĐ-TTg) & Luật Căn cước: Yêu cầu chuẩn hóa, thống nhất dữ liệu chuyên ngành trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, lấy mã định danh cá nhân làm chìa khóa kết nối, xác thực dữ liệu công dân. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06 của Chính phủ). Luật Thống kê và các quy định về quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 (Quyết định 749/QĐ-TTg): Đặt mục tiêu 100% cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành được hoàn thiện, kết nối, chia sẻ liên thông từ

	Trung ương đến tỉnh, thành phố. Đã có sẵn nền tảng định danh duy nhất: 100% công dân (bao gồm trẻ em từ khi đăng ký khai sinh) hiện đã được cấp Mã định danh cá nhân trên CSDLQG về Dân cư, bảo đảm dữ liệu có độ chính xác tuyệt đối ("đúng, đủ, sạch, sống"). Sẵn sàng hạ tầng kết nối liên thông: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và các trực liên thông văn bản/dữ liệu cấp tỉnh đã được hoàn thiện, cho phép các địa phương thực hiện chia sẻ dữ liệu hai chiều an toàn, bảo mật thông tin cá nhân của trẻ em. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước là yêu cầu bắt buộc trong giai đoạn hiện nay. Việc đồng bộ 100% dữ liệu trẻ em khuyết tật gắn với mã định danh cá nhân và kết nối thông suốt với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư/Hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia về trẻ em giúp cơ quan quản lý nhà nước nắm chính xác số lượng, dạng khuyết tật, nhu cầu trợ giúp theo thời gian thực (real-time). Điều này là căn cứ khoa học vững chắc để hoạch định chính sách, phân bổ ngân sách và giám sát hiệu quả thực hiện Đề án từ trung ương đến địa phương, xóa bỏ hoàn toàn tình trạng số liệu chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng.
--	---